

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày 12 - 01 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Quý.

2. Ông Nông N1 Lâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lộc Thị T; địa chỉ: Số \*, Nguyễn Thị Minh K, thị trấn B1, huyện B1, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Phạm Duy B - Luật sư Văn phòng Luật sư B; địa chỉ: Số \*, ngõ \*\*, N, phường C, quận X, thành phố Hà Nội, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: Số \*, Đ, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Tô Bắc Th; địa chỉ: Số \*, Đ, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lộc Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết nhau từ trước nên bà đã cho bà Nguyễn Thị M vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 31/3/2020 cho bà Nguyễn Thị M vay số tiền là 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng;

Lần 2: Ngày 08/6/2020 cho bà Nguyễn Thị M vay tiếp 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận là 06%/tháng;

Lần 3: Ngày 08/8/2021 tiếp tục cho bà Nguyễn Thị M vay 400.000.000 đồng, không xác định thời hạn vay, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng;

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị M đã vay của bà là 1.600.000.000 đồng. Mỗi lần cho vay, hai bên đều lập “giấy vay tiền”, phần đánh máy trên giấy vay do bà chuẩn bị trước, còn phần viết tay gồm các mục như: Ngày, tháng, năm vay tiền; địa điểm lập giấy vay tiền; tên và địa chỉ của người vay và người cho vay, số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất và thời hạn trả nợ do bà Nguyễn Thị M viết tay và ký ghi rõ họ tên tại phần “Bên vay” của cả 3 giấy vay tiền. Giấy vay tiền ngày 31/3/2020 và ngày 08/6/2020 được lập tại nhà bà ở thị trấn B1, còn giấy vay tiền ngày 08/8/2021 được lập tại nhà bà Nguyễn Thị M ở số \*, Đ, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Giấy vay ngày 31/3/2020, phần đầu bà Nguyễn Thị M đã viết nhầm tên Nguyễn Thị M ở mục “Bên cho vay”, còn “Bên vay” lại ghi là Lộc Thị T, phía cuối giấy vay bà Nguyễn Thị M đã ký và ghi rõ họ tên tại phần “Người vay”. Sau khi phát hiện, hai bên đã trao đổi qua điện thoại thống nhất nên bà đã sửa lại cho đúng bên vay là Nguyễn Thị M và bên cho vay là Lộc Thị T, các nội dung khác được giữ nguyên. Cả 3 bản gốc giấy vay tiền nay bà đã cung cấp cho Tòa án.

Khi cho bà Nguyễn Thị M vay tiền, do biết vợ chồng bà Nguyễn Thị M ở B1, hơn nữa ông Tô Bắc Th chồng bà Nguyễn Thị M khi đó là Chủ tịch huyện B1, tin tưởng nên bà đã cho bà Nguyễn Thị M vay tiền nhiều lần. Các lần cho vay đều do bà Nguyễn Thị M hỏi vay, viết giấy và nhận tiền vay, không có mặt ông Tô Bắc Th. Đến hạn trả nợ, bà Lộc Thị T đã nhiều lần, gọi điện thoại thúc dục và đến nhà bà Nguyễn Thị M ở thành phố L đòi nợ thì gặp ông Tô Bắc Th còn nói sẽ bảo bà Nguyễn Thị M ưu tiên trả nợ cho bà trước, sau đó bà Nguyễn Thị M đã chuyển trả được 02 lần tiền tổng là 30.000.000 đồng cho bà, cụ thể:

Lần 1, bà không nhớ rõ thời gian, bà Nguyễn Thị M đã chuyển khoản trả 10.000.000 đồng vào tài khoản của chị Nông Thị Hải Y (con gái bà Lộc Thị T) mở tại Ngân hàng Nông nghiệp huyện B1, tỉnh Lạng Sơn gửi nhờ từ tài khoản của một người tên N1.

Lần 2, bà Lộc Thị T cũng không nhớ rõ thời gian, bà Nguyễn Thị M đã chuyển khoản trả tiếp 20.000.000 đồng vào tài khoản của bà mở tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

Đến hạn không thấy bà Nguyễn Thị M trả nợ, gọi điện thoại không nghe máy, nhắn tin không trả lời và trốn tránh không gặp mặt nên bà đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, sau đó bà vẫn tiếp tục gọi điện thoại, nhắn tin nhiều lần để đòi nợ, khuyên bà Nguyễn Thị M đến Tòa hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị M không

đến, chỉ nhấn tin nhận nợ và hứa trả dần. Đến ngày 23/11/2022 bà Nguyễn Thị M chuyển trả tiếp 100.000.000 đồng; ngày 20/12/2022 trả thêm 60.000.000 đồng, cả 2 lần này đều chuyển vào tài khoản của bà mở tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Như vậy tổng số tiền 4 lần bà Nguyễn Thị M đã trả là 190.000.000 đồng, bà nhất trí trừ vào tiền nợ gốc, số tiền nợ gốc còn lại 1.410.000.000 đồng, nay yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả nốt số nợ trên và trả tổng số tiền lãi là 578.400.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lộc Thị T xin rút yêu cầu trả lãi, nay chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 1.410.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Tô Bắc Th theo quy định, tuy nhiên bà Nguyễn Thị M và ông Tô Bắc Th đều không đến theo giấy triệu tập. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng, tiến hành lập biên bản xác minh nơi cư trú của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và được Công an phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn cung cấp cho biết: Bà Nguyễn Thị M và ông Tô Bắc Th có đăng ký hộ khẩu thường trú, cư trú tại số \*, Đ, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nhưng thường xuyên vắng nhà, đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ, thỉnh thoảng có về nhà vài ngày lại đi luôn. Do vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bà Nguyễn Thị M và ông Tô Bắc Th. Quá trình giải quyết, Tòa án cũng không nhận được văn bản phản hồi hay tài liệu, chứng cứ của bà Nguyễn Thị M và ông Tô Bắc Th phản hồi về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật và đề xuất quan điểm giải quyết nội dung vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 97, 98, 99, 100, 177, 208, 209, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập tài liệu chứng cứ; xác minh nơi cư trú của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định; đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại các Điều 239, 241, 243, 246, 248, 249 và Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án từ khi khai mạc phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án; Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người được ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về đề xuất quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; 466 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi tiền nợ gốc, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn bà Lộc Thị T số tiền nợ gốc còn lại là 1.410.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu trả tiền lãi do nguyên đơn rút yêu cầu. Về án phí: Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định để sung ngân sách Nhà nước; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Những yêu cầu, kiến nghị, khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ giao dịch dân sự cho nhau vay tiền với mục đích cá nhân, nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về thẩm quyền: Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự, bị đơn là cá nhân có đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn thành phố Lạng Sơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Bắc Th vắng mặt trong cả quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa. Căn cứ biên bản xác minh ngày 11/01/2023 về nơi cư trú của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Công an phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn và biên bản niêm yết công khai giấy triệu tập và các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 173; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Bắc Th.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn bà Nguyễn Thị M thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 1.410.000.000 đồng: Căn cứ 03 bản gốc Giấy vay tiền lập các ngày 31/3/2020 vay 700.000.000 đồng; ngày 08/6/2020 vay 500.000.000 đồng và ngày 08/8/2021 vay 400.000.000 đồng mà nguyên đơn cung cấp, tại các giấy vay tiền đều thể hiện tên người vay là Nguyễn Thị M và phần ký tên người vay phía cuối giấy vay tiền đều có chữ ký và ghi rõ họ tên là Nguyễn Thị M ký, xác định tổng số tiền bà Nguyễn Thị M đã vay của bà Lộc Thị T tại 03 giấy vay tiền nêu trên là 1.600.000.000 đồng. Căn cứ bản sao kê tài khoản ngân hàng của bà Lộc Thị T mở tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Lạng Sơn phòng giao dịch Bình Gia từ 03/01/2022 đến 31/01/2022 và từ 20/11/2022 đến 27/12/2022 có nội dung thể hiện bà Nguyễn Thị M chuyển khoản trả nợ cho bà Lộc Thị T như sau: Ngày 29/01/2022 bà Nguyễn Thị M

chuyển trả 20.000.000 đồng, nội dung giao dịch ghi “Nguyễn Thị M trả tiền vay”; ngày 23/11/2022 trả 100.000.000 đồng, nội dung giao dịch ghi “Nguyễn Thị M trả gốc món vay ngày 8 tháng 6 năm 2020” và ngày 20/12/2022 trả tiếp 60.000.000 đồng, nội dung giao dịch ghi “Nguyễn Thị M chuyển khoản trả gốc món vay 500 tr ngày 08.06.2020”; ngoài ra nguyên đơn bà Lộc Thị T còn thừa nhận trước đó bà Nguyễn Thị M đã trả được 10.000.000 đồng qua tài khoản của con gái bà là Nông Thị Hải Y mở tại Ngân hàng Nông nghiệp huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; nay tổng số tiền bà Nguyễn Thị M đã chuyển trả cho bà Lộc Thị T là 190.000.000 đồng. Như vậy có căn cứ xác định bà Lộc Thị T đã cho bà Nguyễn Thị M vay tiền 03 lần theo các giấy vay tiền nêu trên là đúng nên mới có việc bà Nguyễn Thị M chuyển trả nợ cho bà Lộc Thị T được tổng số tiền là 190.000.000 đồng và tại phiên tòa hôm nay bà Lộc Thị T nhất trí trừ số tiền 190.000.000 đồng vào tiền nợ gốc của khoản vay 500.000.000 đồng ngày 08/6/2020, do vậy khoản vay này hiện còn là 310.000.000 đồng nợ gốc; số tiền nợ gốc tại giấy vay tiền lập ngày 31/3/2020 và ngày 08/8/2021 được giữ nguyên.

[5] Ngoài ra, căn cứ các chứng cứ là bản ảnh chụp tin nhắn trên điện thoại di động của bà Lộc Thị T, có thể hiện nội dung bà Lộc Thị T nhắc đòi nợ và bà Nguyễn Thị M nhắn đề nghị được trả nợ dần và thông tin chuyển trả tiền nợ cho bà Lộc Thị T, đúng như bà Lộc Thị T đã khai nêu trên.

[6] Từ những căn cứ, chứng cứ và lập luận nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lộc Thị T đòi bị đơn bà Nguyễn Thị M phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 1.410.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lộc Thị T tổng số tiền nợ gốc còn lại là 1.410.000.000 đồng, bao gồm 700.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 31/3/2020; 310.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 08/6/2020 và 400.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 08/8/2021. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lộc Thị T có đơn yêu cầu thi hành, bà Nguyễn Thị M vẫn không trả được nợ thì bà Nguyễn Thị M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định.

[7] Về yêu cầu trả lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu đòi bị đơn trả lãi với tổng số tiền lãi là 578.400.000 đồng đã nêu tại đơn khởi kiện. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu trả lãi mà nguyên đơn đã rút.

[8] Đối với các nội dung yêu cầu xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ tại Yêu cầu số 01/YC-VKS-DS ngày 26/12/2022 của Viện kiểm sát. Xét thấy: Đối với nội dung yêu cầu xác minh nơi cư trú của bị đơn Nguyễn Thị M và nơi cư trú của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tô Bắc Th, Tòa án đã thực hiện thu thập bổ sung. Đối với nội dung yêu cầu nguyên đơn cung cấp sao kê ngân hàng và tin nhắn điện thoại với bị đơn để đòi nợ, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp trước khi Viện kiểm sát có văn bản đề nghị. Đối với các nội dung yêu cầu khác như: Xác minh hộ gia đình bà Nguyễn Thị M, ông Tô Bắc Th có mấy người, gồm những ai, lấy lời khai của những người cư trú trong gia đình để

xác định hiện bà Nguyễn Thị M và ông Tô Bắc Th đang đi đâu, làm gì? Triệu tập lấy lời khai người hàng xóm đang giữ chìa khóa nhà bà Nguyễn Thị M để xem hiện bà Nguyễn Thị M và ông Tô Bắc Th đi đâu, làm gì, vì sao lại được giao giữ chìa khóa nhà bà Nguyễn Thị M; xét các yêu cầu này là không cần thiết nên Tòa án không chấp nhận. Đối với nội dung yêu cầu lấy lời khai chị Nông Thị Hải Y làm chứng việc bà Nguyễn Thị M thanh toán số tiền 10.000.000 đồng cho bà Lộc Thị T, nội dung này nguyên đơn đã xác nhận được nhận số tiền trên nên việc lấy lời khai chị Nông Thị Hải Y là không cần thiết. Đối với việc yêu cầu xác minh nhân thân, triệu tập, lấy lời khai bà Hoàng Thị N1 làm rõ “bà N1 biết nội dung gì đối với các hợp đồng vay tiền giữa bà Lộc Thị T và Nguyễn Thị M”, xét thấy nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự và không có đương sự nào yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng, ngoài ra các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp đã đầy đủ, nên việc xác minh nhân thân, triệu tập, lấy lời khai bà Hoàng Thị N1 làm chứng là không cần thiết, không làm thay bản chất vụ án, nên Tòa án không chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu đòi tiền lãi do nguyên đơn rút yêu cầu về lãi, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lộc Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.784.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001035 ngày 07 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn. Bị đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 278, 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244; các Điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị T về việc đòi tiền nợ gốc. Buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm thanh toán cho bà Lộc Thị T tổng số tiền nợ gốc còn lại là 1.410.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm mười triệu đồng), bao gồm: 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền lập ngày 31/3/2020; 310.000.000 đồng (ba trăm mười triệu đồng) theo giấy vay tiền lập ngày 08/6/2020 và 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền lập ngày 08/8/2021.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả tiền lãi do nguyên đơn bà Lộc Thị T rút yêu cầu.

3. Về án phí: Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lộc Thị T 37.784.000 đồng (ba mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lộc Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001035 ngày 07 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 54.300.000 đồng (năm mươi bốn triệu ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Tp Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS Tp Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thanh**